

Bản án số: 18/2021/DS- ST
Ngày: 30/7/2021
V/v Tranh chấp đòi tài sản.

Nguyễn Văn Ph đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B trả số tiền là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn Ph

Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 07/5/2021 ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B trình bày: Năm 2017 chị Trần Thị Kh là cháu của bà Lê Thị B có đến vay tiền ông Nguyễn Văn Ph, do ông Ph không quen biết chị Kh, nên ông Ph nói với chị Kh là qua nói với ông Th và bà B qua thì ông Ph mới cho vay tiền. Ông Lê Xuân Th là người viết giấy vay tiền tại ông Ph đề cho chị Kh vay. Chị Trần Thị Kh nhận tiền từ ông Ph, hàng năm chị Kh trả tiền lãi cho ông Ph, lãi suất 2,5%/năm, năm 2017 Kh đã trả lãi cho ông Ph là 13.000.000 đồng, còn các năm tiếp theo chị Kh trả lãi cho Ph hay không thì không rõ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ph, ông Th và bà B có ý kiến: Số tiền đó chị Kh đã nhận nợ với ông Ph rồi, đã có văn bản giao cho ông Ph ký, nay số tiền 40.000.000 đồng là chị Kh vay, chị Kh phải trả. Còn ông Th và bà B đã già yếu không thể trả được, ông Th, bà B cũng không nhận số tiền đó, mà chỉ viết giấy vay cho chị Kh lấy tiền, nhờ Tòa án giải quyết buộc chị Kh trả tiền cho ông Ph.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Tại bản tự khai ngày 09 tháng 6 năm 2021 chị Trần Thị Kh khai: Vào ngày 01/01/2017 chị Kh có vay của anh Ph số tiền 40.000.000 đồng và có nhờ ông Th và bà B là di và dựng của chị Kh đứng tên vay tiền hộ, do chị Kh không quen biết anh Ph mà ông Th, bà B thì có quen biết. Chính vì vậy chị Kh ký tên là người làm chứng nhưng bản thân chị Kh là người trực tiếp nhận số tiền 40.000.000 đồng từ anh Ph.

Hai năm đầu sau khi vay tiền chị Kh có trả lãi cho anh Ph đầy đủ, đến năm 2019 do hoàn cảnh khó khăn, làm ăn kinh tế đổ bể nên không thể tiếp tục trả lãi. Năm 2020 anh Ph có đến đòi tiền và chị Kh đã trả cho anh Ph 10.000.000 đồng, chị Kh cũng đã ký nhận nợ với anh Ph. Đến nay anh Ph kiện ông Th và bà B thì chị Kh có ý kiến: Chị Kh là người trực tiếp vay tiền của anh Ph không có liên quan đến ông Th và bà B. Chị Kh nhận trả toàn bộ số tiền nợ trên cho anh Ph như anh Ph yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án đã xem xét thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 68 BLTTDS. Đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 97 BLTTDS. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục hòa giải theo quy định. Trình tự thụ lý, việc cấp, gửi, tổng đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và đương sự đầy đủ đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS.

Về Th hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước Th điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, căn cứ Điều 351, 357, 463, 466 BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn Th, bà Lê Thị B phải trả cho ông Nguyễn Văn Ph số tiền gốc 40.000.000đ.

Về án phí DSST: Bị đơn phải chịu nhưng bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí vì vậy căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326, bị đơn được miễn phí toàn bộ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án “*Tranh chấp đòi tài sản*” giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Ph. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum với bị đơn ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào Th điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:* Từ năm 2017 ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B có vay tiền của anh Nguyễn Văn Ph với số tiền là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) hẹn cuối năm 2017 sẽ trả, lãi suất các bên thỏa thuận bằng miệng là 2,5%/tháng. Do đến hạn thanh toán ông Th và bà B không trả cho anh Ph số tiền nợ như cam kết nên anh Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà giải quyết buộc ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B phải trả số tiền 40.000.000 đồng và không yêu cầu về lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ anh Ph cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền được viết bằng giấy ô li mực xanh đề ngày 01/01/2017 ký tên người vay là ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B, người

làm chứng chị Trần Thị Kh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể là bản tự khai ngày 07/5/2021, biên bản đối chất ngày 18/6/2021, lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B đều thừa nhận, ông bà đã cùng ký nhận với anh Nguyễn Văn Ph số tiền là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Số tiền này ông bà đứng ra vay giúp cho chị Trần Thị Kh. Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum là cháu của bà Lê Thị B.

Hội đồng xét xử xét thấy, phía nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có việc bị đơn ông Lê Xuân Th là người viết giấy vay tiền và ông Th, bà B đã cùng ký tên vào giấy vay tiền này đề ngày 01/01/2017 với số tiền 40.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn Ph, có người làm chứng là chị Trần Thị Kh. Nhận thấy nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn thừa nhận những chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật.

Việc ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B cho rằng ông bà vay hộ tiền cho chị Trần Thị Kh và chị Kh mới là người nợ tiền của anh Nguyễn Văn Ph, chị Kh có trách nhiệm trả tiền cho anh Nguyễn Văn Ph Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc chị Kh là người vay tiền của anh Ph; Anh Ph không thừa nhận việc vay mượn giữa anh Ph và chị Kh và cũng không đồng ý việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kh trả nợ cho anh Ph. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ph buộc ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B phải trả cho anh Kh số tiền 40.000.000 đồng.

[4] Về số tiền lãi: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ph thừa nhận năm 2017, chị Kh là người đã trả cho anh là 13.000.000 đồng, tiền lãi. Năm 2019, trả tiền lãi của năm 2018 với số tiền là 10.000.000 đồng; tổng cộng là 23.000.000 đồng tiền lãi. Chị Trần Thị Kh trình bày chị đã trả cho anh Ph 33.000.000 đồng nhưng chị Kh không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên cần chấp nhận số tiền lãi đã trả là 23.000.000 đồng mà nguyên đơn đã thừa nhận.

Về mức lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng (tương đương 1 năm là 30%) vượt quá lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm). Tuy nhiên, xét khoản vay từ tháng 01/01/2017 đến nay đã hơn 4 năm anh Nguyễn Văn Ph mới nhận được 23.000.000 đồng tiền lãi và nay không yêu cầu trả lãi mà chỉ đòi số tiền gốc là 40.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn vì vậy cần chấp nhận.

[5] Về nội dung ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B trình bày ông bà có đứng ra ký tên vay tiền của anh Nguyễn Văn Ph để cho chị Trần Thị Kh vay lại. Ông Th và bà B cùng với chị Kh đã ký một giấy vay tiền khác đề ngày 01/01/2017 với nội dung vay số tiền 40.000.000 đồng qua anh Ph, Th hạn trả cuối năm 2017. Đây là một quan hệ giao dịch dân sự khác giữa ông Th, bà B với chị Kh. Trường hợp chị Kh không trả được số tiền 40.000.000 đồng cho ông Th và bà B thì ông Th và bà B có thể làm đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà để khởi kiện chị Kh thành một vụ án dân sự khác.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông Th và bà B đều là người cao tuổi được quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và ông bà đã có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm được Ủy ban nhân dân thị trấn Đắk Hà xác nhận. Vì vậy, cần miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 91; Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ph đối với bị đơn ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2021.

[2] Buộc bị đơn ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ph số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*);

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày anh Nguyễn Văn Ph có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với Th gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị B.

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) theo biên lai số AA/2016/0004528 ngày 19 tháng 4 năm 2021.

[5] Trong Th hạn hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (*30/7/2021*) nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn bà Lê Thị B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Th hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Th hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Ng